

Số: 1706/QĐ-UBND

Trà Vinh, ngày 26 tháng 9 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt “Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng
khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát lòng sông)
tỉnh Trà Vinh đến năm 2020”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng và xuất khẩu khoáng sản.

Căn cứ Nghị quyết số 10/2012/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cát lòng sông tỉnh Trà Vinh đến năm 2020.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 459/TTr-STNMT ngày 28/8/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (cát lòng sông) tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu quy hoạch

- Mục tiêu chung:

+ Xây dựng kế hoạch phát triển công nghiệp thăm dò, khai thác và sử dụng cát lòng sông đến năm 2020 một cách hợp lý để đáp ứng nhu cầu sử dụng cát tại địa phương phục vụ cho các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

+ Lập quy hoạch các vùng cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản cát lòng sông để bảo vệ tài nguyên, môi trường và sử dụng lâu dài cho sự phát triển của tỉnh.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Xác định được nguồn tài nguyên khoáng sản cát san lấp trên lòng sông Cổ Chiên và sông Hậu, hiện trạng khai thác và sử dụng tài nguyên cát san lấp trên địa bàn tỉnh.

+ Xây dựng kế hoạch khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên khoáng sản cát san lấp một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng tài nguyên cát trên địa bàn tỉnh.

+ Tăng cường công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản cát lòng sông.

2. Các khu vực cấm thăm dò và khai thác

a) Trên sông Hậu:

- Khu vực cấm số 1: Nằm trong phạm vi bến dò ngang ấp Trà Điều, xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè, với chiều rộng luồng khoảng 300m theo tuyến từ xã Ninh Thới, huyện Cầu Kè sang huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

b) Trên sông Cổ Chiên:

- Khu vực cấm số 2: Bến phà Cổ Chiên nằm trên địa phận ấp Đức Mỹ, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, chạy dọc theo tuyến Bắc nam với chiều rộng luồng khoảng 300m.

- Khu vực cấm số 3: Nằm trên khu vực dự kiến xây dựng cầu Cổ Chiên, nằm trên địa phận ấp Hạ, xã Đại Phước, huyện Càng Long với chiều rộng luồng khoảng 1000m theo tuyến từ xã Đại Phước, huyện Càng Long sang huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre.

- Khu vực cấm số 4: Nằm trong phạm vi bến phà Vĩnh Hưng thuộc xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, với chiều rộng luồng khoảng 350m theo tuyến từ xã Long Đức, thành phố Trà Vinh sang huyện Mỏ Cày, tỉnh Bến Tre.

- Khu vực cấm số 5: Nằm trên khu vực có bến dò Phước Vinh thuộc xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, với chiều rộng luồng khoảng 350m theo tuyến từ xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành sang xã Hòa Minh, huyện Châu Thành.

- Khu vực cấm số 6: Nằm trên khu vực bến dò Bãi Vàng – Xếp Phụng thuộc các xã Hưng Mỹ và xã Hòa Minh, huyện Châu Thành với chiều rộng luồng khoảng 350m theo tuyến từ xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành sang xã Hòa Minh, huyện Châu Thành.

3. Các khu vực tạm thời cấm thăm dò, khai thác

a) Trên sông Hậu:

- Khu vực tạm cấm số 1: Khu vực còn mới nổi.

- Khu vực tạm cấm số 2: Bãi bồi ven sông cách bờ sông tối thiểu 300m.

- Khu vực tạm cấm số 3: Khu vực còn Bần Chát cách đầu cồn và đuôi cồn 1000m và 1 phần nhỏ diện tích thân cát I thuộc xã An Phú Tân còn phần lớn thuộc xã Hoà Tân, huyện Cầu Kè.

b) Trên sông Cổ Chiên:

- Khu vực tạm cấm số 4: Khu vực cồn Hô cách đầu cồn và đuôi cồn 1000m thuộc xã Đức Mỹ, huyện Càng Long.

- Khu vực tạm cấm số 5: Khu vực cù lao Long Trị thuộc xã Long Đức, thành phố Trà Vinh và cù lao Long Hòa, Hòa Minh thuộc huyện Châu Thành cách đầu cồn và đuôi cồn 1000m.

- Khu vực tạm cấm số 6: Khu vực còn mới nổi.
- Khu vực tạm cấm số 7: Bãi bồi ven sông cách bờ sông tối thiểu 300m.

4. Khu vực thăm dò, khai thác

a) Quy hoạch thăm dò, khai thác:

Phạm vi quy hoạch trên 02 tuyến sông Hậu và sông Cổ Chiên thuộc địa phận tỉnh Trà Vinh bao gồm 09 thân cát: 06 thân cát trên lòng sông Hậu xuất phát từ xã An Phú Tân, huyện Cầu Kè chạy qua huyện Tiểu Cần đến thị trấn Định An, huyện Trà Cú (được đánh số từ I đến VI) và 03 thân cát trên lòng sông Cổ Chiên từ xã Đức Mỹ, huyện Càng Long đến xã Long Hòa, huyện Châu Thành và xã Vinh Kim, huyện Cầu Ngang (được đánh số từ VII đến IX) được quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng theo từng giai đoạn cụ thể.

b) Trữ lượng khai thác theo từng giai đoạn:

+ Giai đoạn 2011-2015: Dự kiến tình cần cát san lấp $15.000.000\text{m}^3$, với sản lượng khai thác: $3.000.000\text{m}^3/\text{năm}$ được khai thác tại 34 mỏ trên 02 tuyến sông và thân cát số VII đã thăm dò tính trữ lượng cấp 122. Yêu cầu mỗi mỏ hàng năm phải đạt sản lượng bình quân được khai thác thì mỗi mỏ phải có công suất hàng năm đạt tối thiểu 100.000m^3 .

+ Giai đoạn 2016 – 2020: Khai thác các diện tích thăm dò cát tính trữ lượng cấp 122 trên 09 thân cát ở cả hai tuyến sông với khối lượng cát san lấp khai thác $91.418.000\text{m}^3$ và sản lượng khai thác: $18.000.000\text{m}^3/\text{năm}$.

Với khối lượng yêu cầu cho san lấp trong kỳ kế hoạch 2016-2020 so với trữ lượng đã thăm dò cấp 122 còn thiếu trên $40.000.000\text{m}^3$ cát, trong thời đoạn sau năm 2011 cần thăm dò bổ sung theo chiều sâu và khép kín diện tích giữa các mỏ hoặc cấp thêm mỏ mới để tăng đủ khối lượng cát phục vụ kịp thời cho công tác phát triển kinh tế của tỉnh.

(Kèm theo bản đồ và Báo cáo quy hoạch)

5. Các giải pháp thực hiện

a. Giải pháp về quản lý Nhà nước:

- Tổ chức công bố quy hoạch và các khu vực khoáng sản cho chính quyền địa phương, đặc biệt là khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản để tổ chức quản lý theo quy hoạch.

- Nâng cao chất lượng công tác thẩm định dự án, thẩm định cấp phép hoạt động khoáng sản cho các tổ chức, cá nhân theo quy định, ưu tiên các dự án có công nghệ thiết bị hiện đại, thân thiện với môi trường.

- Có phương án khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tiềm năng tài nguyên khoáng sản cát lòng sông của tỉnh.

- Tăng cường công tác phối hợp kiểm tra, giám sát các hoạt động khoáng sản, đảm bảo thực hiện nghiêm túc quy hoạch được duyệt và các quy định của pháp luật trong hoạt động khoáng sản.

b. Giải pháp về cơ chế, chính sách:

- Rà soát quy chế quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp trên cơ sở phân định rõ trách nhiệm của các cấp, các ngành và các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Có chính sách tài chính phù hợp với điều kiện thực tế, điều chỉnh kịp thời, hợp lý các loại giá tính thuế liên quan đến hoạt động khoáng sản, nhất là thuế tài nguyên.

c. Giải pháp về huy động nguồn vốn đầu tư:

- Đẩy mạnh hợp tác, liên doanh liên kết, phát huy tối đa nguồn lực để khai thác có hiệu quả tài nguyên khoáng sản cát lòng sông.

- Bố trí và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước cho điều tra cơ bản, đánh giá tài nguyên khoáng sản cát lòng sông.

d. Giải pháp khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường:

- Khuyến khích đầu tư đổi mới các trang thiết bị, công nghệ tiên tiến để khai thác hiệu quả khoáng sản cát lòng sông và giảm thiểu tác động đến môi trường.

- Đầu tư thỏa đáng cho các hoạt động giám sát và thực hiện các biện pháp giải pháp giảm thiểu, khắc phục ô nhiễm trong hoạt động khai thác.

e. Giải pháp về phát triển nhân lực:

- Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về khoáng sản của tỉnh, huyện, xã để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

- Tập trung đẩy mạnh việc thực hiện các giải pháp, mục tiêu phát triển nguồn nhân lực trong hoạt động thăm dò, khai thác của tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thành phố:

- Thực hiện việc công bố quy hoạch theo quy định hiện hành và tham mưu cấp phép khai thác khoáng sản cát lòng sông trên địa bàn tỉnh có hiệu quả và đúng theo quy hoạch được duyệt.

- Định hướng và khuyến khích các Doanh nghiệp áp dụng công nghệ tiên tiến trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản theo quy mô công nghiệp, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội việc sử dụng tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường.

- Theo dõi và giám sát việc thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt và cập nhật, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Các Sở: Công thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông Vận tải theo chức năng nhiệm vụ của mình phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện các nội dung của quy hoạch.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý hoạt động khoáng sản theo quy hoạch đã được phê duyệt và bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa được khai thác.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục kiểm tra văn bản (Bộ TP);
- Vụ pháp chế (Bộ TN&MT);
- Như Điều 4;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- LĐVP, các PNC;
- Lưu: VT. 25 bản

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phong